

Bản án số: 166/2026/DS-PT

Ngày: 08/5/2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Thu;

Bà Triệu Thị Luyện.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Bà Nguyễn Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2026/TLPT-DS ngày 15/01/2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/BA-DSST ngày 25/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 105/2026/QĐ-PT ngày 13/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 149/2026/QĐ-PT ngày 06/4/2026; Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 86/2026/QĐ-PT ngày 21/4/2026 giữa:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q2 (Q2);

Địa chỉ: Tầng A, B Tòa nhà S, A P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của ông V: Ông Nguyễn Đình T – Chức vụ: Giám đốc Khối Mạng lưới kinh doanh ngân hàng Q2 (Vắng mặt);

Đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Nguyễn Thị H – Chức vụ: Giám đốc THN trực tiếp và XLN vùng – Vùng Đông Hà N, Khối mạng lưới kinh doanh ngân hàng Q2 (Vắng mặt);

Đại diện theo ủy quyền của bà H (theo Giấy ủy quyền số 079761.26 ngày 24/3/2026)

1. Ông Vũ Tiến B – Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q2 (Có mặt);

2. Ông Phạm Đăng L – Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q2 (Vắng mặt);

3. Ông Nguyễn Văn T1 – Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q2 (Có mặt);
Cùng địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà C, số D T, phường K, thành phố Hà Nội.

* *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Thanh Q, sinh năm 1994 (Có mặt);

Trú tại: Khu H, phường V, tỉnh Bắc Ninh.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*: Ông Cao Thanh H1, sinh năm 1975 (Vắng mặt);

Trú tại: Tổ dân phố A Á, phường S, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của anh H1:

- Chị Vũ Thị H2, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

- Chị Đoàn Thị Hồng V1, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

- Anh Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1989 (Có mặt);

- Chị Đỗ Minh N1, sinh năm 1997 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số B, đường H, phường N, tỉnh Phú Thọ

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà Phùng Thị Hồng D, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

HKTT: T, xã T, thành phố Hà Nội

Người kháng cáo: ông Cao Thanh H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q2 (tên viết tắt là Q2) trình bày:

Ngày 04/4/2024, Ngân hàng TMCP Q2 (Q2) và chị Nguyễn Thị Thanh Q đã cùng kí kết 02 hợp đồng:

1. Hợp đồng hạn mức tín dụng số 104700877.24 với nội dung:

- Mục đích vay: Thanh toán nợ cho bên thứ ba khi mua bất động sản tại địa chỉ: Tổ dân phố A, Á, phường T, thị xã S, thành phố Hà Nội (Nay là: tổ dân phố A Á, phường S, thành phố Hà Nội)

- Hạn mức tín dụng: 2.000.000.000 đồng.

- Thời hiệu của hạn mức tín dụng: 360 tháng kể từ ngày giải ngân.

- Lãi suất cho vay trong hạn: Trong 12 tháng đầu tiên được áp dụng mức lãi suất ưu đãi là 8,5%/năm. Sau đó, mức lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%/năm.

- Lãi suất quá hạn đối với nợ gốc quá hạn: 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn (mức lãi suất cơ bản tại thời điểm vay, không phải mức lãi suất ưu đãi), tính trên phần nợ gốc quá hạn.

2. Đơn đề nghị phát hành thẻ với nội dung mở thẻ tín dụng loại VIB Travel Élite, hạn mức 200.000.000 đồng

Để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả tiền với ngân hàng (Tức bao gồm khoản nợ tại Hợp đồng số 104700877.24 và khoản nợ thẻ tín dụng), cùng ngày 04/4/2024, chị Q đã kí Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0053564.24.66 với nội dung:

- Tài sản thế chấp: Thửa đất số 300, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Tổ dân phố A Á, phường S, thành phố Hà Nội, có diện tích 301m², GCNQSDĐ số: ĐĐ 512783, được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 19/5/2021

- Nghĩa vụ được bảo đảm: Toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của chị Nguyễn Thị Thanh Q đối với giấy vay tiền lập ngày 08/3/2024 giữa ông Nguyễn Anh D1 và chị Nguyễn Thị Thanh Q về việc ông D1 cho chị Q vay số tiền 2.000.000.000 đồng để thanh toán tiền mua thửa đất số 300, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Tổ dân phố A Á, phường S, thành phố Hà Nội và các khoản dư nợ thẻ tín dụng phát sinh.

Sau khi hoàn tất việc thẩm định hồ sơ vay vốn, Ngân hàng Q2 đã giải ngân toàn bộ khoản vay vào tài khoản số 0011004057319 của ông Nguyễn Anh D1 tại ngân hàng V2. Mọi quy trình đều được thực hiện đảm bảo đúng quy định của Ngân hàng TMCP Q2 (Q2), trên các văn bản có đầy đủ chữ kí, chữ viết tay và dấu vân tay của người vay (đồng thời là chủ tài sản bảo đảm) là chị Nguyễn Thị Thanh Q.

Tuy nhiên, sau khi khoản vay được giải ngân, chị Q đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền cho ngân hàng. Tạm tính đến ngày 18/12/2024, chị Q mới chỉ thanh toán được 200.000 đồng nợ gốc và một phần nợ lãi của khoản vay tại Hợp đồng tín dụng là 83.680.220 đồng.

Sau đó, chị Q đã không thực hiện trả nợ theo như thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã kí kết. Ngân hàng Q2 đã thông báo trả nợ, cán bộ quản lý khoản vay cũng nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc xử lý số tiền nợ nhưng chị Q không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng. Khoản vay của chị Nguyễn Thị Thanh Q được chuyển quá hạn kể từ ngày 25/10/2024.

Do đó, ngân hàng Q2 đã khởi kiện yêu cầu chị Q thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/11/2025 là **2.567.739.533 đồng**, trong đó:

1. Theo Hợp đồng tín dụng số 104700877.24:

- Nợ gốc chưa trả: 1.999.800.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 63.364.631 đồng
- Lãi quá hạn: 204.070.607 đồng

2. Nợ thẻ tín dụng:

- Nợ gốc: 189.730.663 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 79.883.265 đồng
- Lãi quá hạn: 30.890.367 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, chị Q phải tiếp tục chịu các khoản lãi, lãi quá hạn theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các văn bản liên quan cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trong trường hợp chị Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đề nghị được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Cao Thanh H1, đại diện nguyên đơn có ý kiến như sau: Về bản chất, giao dịch vay tiền giữa chị Q và ngân hàng Q2 là có thật. Quá trình thực hiện mọi thủ tục đều hợp pháp. Việc chị Q nhận chuyển nhượng tài sản trước và sau đó mới thực hiện giải ngân là quy trình bình thường, không trái với quy định của pháp luật, không làm thay đổi bản chất của việc vay vốn.

Đối với việc ông Cao Thanh H1 cho rằng giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh và chị Q là không có thật: Trong quá trình vay vốn, ngân hàng đã tiến hành thẩm tra, thẩm định tài sản và tư cách chủ tài sản của chị Q, mọi quy trình đều được thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có dấu hiệu của bất kỳ sự vi phạm nào, ông H1 là người trực tiếp dẫn cán bộ định giá đi xem xét tài sản, trong hồ sơ cũng có đầy đủ các thủ tục, giấy tờ mua bán có chữ kí của ông Cao Thanh H1. Do đó yêu cầu của ông H1 là không có căn cứ.

Đối với ý kiến của bà Phùng Thị Hồng D: Bà D không phải là người liên quan tới giao dịch giữa ngân hàng Q2 và chị Nguyễn Thị Thanh Q. Đối với Vi bằng và thoả thuận cho vay tiền giữa bà D và ông H1: Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H1 và chị Q được thực hiện một cách hợp pháp, có công chứng và đăng kí chuyển nhượng tại cơ quan có thẩm quyền. Vi bằng và thoả thuận cho vay tiền mà ông H1 và chị D nhắc tới không hề có sự xác nhận của chị Q (Hiện là chủ sở hữu hợp pháp). Đương sự cũng không xuất trình được bằng chứng thể hiện việc chị Q có biết và đồng ý đối với thoả thuận giữa ông H1 và chị D. Do đó đề nghị Toà án không chấp nhận sự liên quan của các văn bản nói trên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu của bà D về việc đề nghị Toà án làm việc trực tiếp với ông Cao Thanh H1 để giải quyết khoản vay: Ngân hàng đã thực hiện cho chị Q vay tiền và sử dụng tài sản thế chấp là tài sản hợp pháp thuộc quyền sở hữu của chị Q, do đó ngân hàng không đồng ý làm việc với ông H1 để giải quyết số nợ nói trên.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh Q trình bày:

Chị xác nhận có kí Hợp đồng tín dụng số 104700877.24 ngày 04/4/2024 với hạn mức vay là 2.000.000.000 đồng, mục đích để mua bất động sản tại địa chỉ: Tổ dân phố A, Á, phường T, thị xã S, thành phố Hà Nội. Đây là tài sản được chị vay tiền của anh Nguyễn Anh D1 để mua đất từ ông Cao Thanh H1, sinh năm 1975, HKTT: Tổ dân phố A Á, phường S, thành phố Hà Nội. Các thủ tục

mua bán, chuyển quyền sử dụng đất từ ông H1 sang chị Q được thực hiện đầy đủ, đảm bảo quy định của pháp luật và được cập nhật vào GCNQSDĐ số ĐĐ 691197 vào ngày 08/3/2024. Mục đích chị Q mua thửa đất nói trên là để đầu tư chờ có lãi thì bán. Thời điểm đó chị Q cũng đang sinh sống và làm việc tại Bắc Ninh, không có nhu cầu sử dụng thửa đất nói trên. Sau khi chuyển nhượng, ông H1 đề nghị được tiếp tục sử dụng thửa đất thêm một thời gian và cam kết sẽ không gây khó khăn khi chị Q muốn thế chấp ngân hàng hoặc tiến hành mua bán, chuyển nhượng tài sản sang chủ mới. Nhận thấy ông H1 đang sống cùng mẹ già, cần thêm thời gian thu xếp nơi ở khác và bản thân cũng không có nhu cầu sử dụng thửa đất nên chị Q đã đồng ý. Ngoài Hợp đồng tín dụng số 104700877.24, cùng ngày bị đơn còn có Đơn đề nghị phát hành thẻ với nội dung mở thẻ tín dụng loại VIB Travel Élite, hạn mức 200.000.000 đồng.

Số tiền vay đã được giải ngân đầy đủ sau khi hoàn thành thủ tục kí kết Hợp đồng vay và phát hành thẻ tín dụng nói trên. Thời gian đầu, chị vẫn thực hiện thanh toán cho ngân hàng, tuy nhiên sau đó do tình hình làm ăn khó khăn, cửa hàng kinh doanh trà sữa và đồ ăn vặt của chị đóng cửa, chị Q không có điều kiện tiếp tục trả tiền cho ngân hàng nữa, dẫn tới việc khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 25/10/2024.

Nay Ngân hàng Q2 yêu cầu chị thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/11/2025 là 2.567.739.533 đồng, chị Q có ý kiến như sau: Chị nhất trí với số tiền Ngân hàng yêu cầu chị trả nợ như trên. Trong trường hợp không thanh toán được nợ cho ngân hàng Q2, bị đơn đồng ý để ngân hàng yêu cầu thi hành án đối với tài sản bảo đảm là thửa đất số 300, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Tổ dân phố A Á, phường S, thành phố Hà Nội, có diện tích 301m², GCNQSDĐ số: ĐĐ 512783, được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 19/5/2021. Theo chị Q trình bày, đây là thửa đất được chị tiến hành giao dịch và chuyển nhượng hợp pháp từ chủ sở hữu trước của thửa đất là ông Cao Thanh H1, sinh năm 1975, trú tại: Tổ dân phố A Á, phường S, thành phố Hà Nội. Số tiền mua đất chị Q vay của ông Nguyễn Anh D1, địa chỉ: Xã Q, thành phố Hà Nội, hai bên kí giấy vay tiền ngày 08/3/2024. Vì thế sau khi hoàn thành thủ tục sang nhượng thửa đất, chị Q đã thế chấp cho Ngân hàng Q2 để vay tiền và giải ngân trực tiếp vào tài khoản của ông D1. Sau khi ông D1 nhận đủ tiền, hai bên kết thúc giao dịch và ông D1, chị Q không liên lạc với nhau nữa. Hiện nay chị không cung cấp được thông tin của ông D1.

Thời điểm thế chấp, trên đất đã có tài sản như nội dung tại các biên bản thẩm định. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/4/2025 đối với tài sản thế chấp: Trên đất có 01 nhà bê tông 02 tầng, tổng diện tích xây dựng 122,8m²; 01 sân, lợp mái tôn, cột bằng sắt; 01 tường rào, 01 cổng sắt.

Tại phiên toà, đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Cao Thanh H1, chị Q có ý kiến như sau: Ngày 15/3/2024, chị

và ông Cao Thanh H1 đã tiến hành kí kết và công chứng hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đối với thửa đất số 300, tờ bản đồ số 32. Sau đó, các bên tiến hành đăng kí thông tin chuyển nhượng tại Văn phòng Đ chi nhánh thị xã S. Mọi thủ tục, quá trình đều được thực hiện một cách tự nguyện, hợp pháp, không trái quy định của pháp luật. Chị Q khẳng định mình là chủ sở hữu hợp pháp của thửa đất và chị hoàn toàn có quyền dùng tài sản của mình để thế chấp và đăng kí vay vốn tại ngân hàng Q2. Do đó, chị không đồng ý với yêu cầu độc lập của ông Cao Thanh H1.

Đối với ý kiến của chị Phùng Thị Hồng D: Chị và bà D có mối quan hệ quen biết xã hội với nhau. Các thoả thuận giữa bà D và ông H1 thể hiện tại Văn bản thoả thuận vay tài sản và Vi bằng số 622Q1 ngày 05/3/2024 là nội dung mà ông H1, bà D tự ý lập ra, không hề có sự đồng ý và xác nhận của chị. Chị cũng không được biết hay thông báo về thoả thuận này. Do vậy, đề nghị Toà án không chấp nhận các nội dung tại văn bản nói trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Cao Thanh H1 và người đại diện theo ủy quyền của ông H1 trình bày:

Ông là người đang thực tế sinh sống tại thửa đất số 300, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Tổ dân phố A, Á, phường S, thành phố Hà Nội. Nguồn gốc thửa đất trên là do ông được bố mẹ cho lại, đã cấp GCNQSDĐ mang tên Cao Thanh H1 vào ngày 28/12/2021. Ông H1 xác nhận có việc chuyển nhượng QSDĐ cho chị Nguyễn Thị Thanh Q và đã ghi nhận vào nội dung biến động của GCNQSDĐ vào ngày 08/3/2024. Ông H1 xác nhận mình là người trực tiếp tham gia vào quá trình chuyển nhượng, tuy nhiên ông trình bày việc chuyển nhượng nói trên không phải là giao dịch mua bán mà chỉ là để chị Q hỗ trợ ông vay tiền của ngân hàng do trước đó ông H1 đã có nợ xấu tại ngân hàng, không đủ điều kiện để tiếp tục vay vốn nữa. Tại đơn yêu cầu độc lập và tại phiên tòa, ông Cao Thanh H1 có ý kiến:

- Đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP Q2;
- Tuyên Hợp đồng tín dụng số 104700877.24 ngày 04/4/2024 vô hiệu;
- Tuyên Hợp đồng thế chấp số 0053564.24.066 ngày 04/4/2024 vô hiệu, buộc ngân hàng Q2 trả lại tài sản cho ông H1; buộc bà Nguyễn Thị Thanh Q thực hiện các thủ tục theo quy định để sang tên trả lại QSDĐ tại thửa đất số 300, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Tổ dân phố A, Á, phường S, thành phố Hà Nội cho ông H1.

Để chứng minh cho yêu cầu độc lập của mình, ông H1 đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Văn bản thoả thuận vay tài sản ngày 05/3/2024 giữa bà Phùng Thị Hồng D và ông Cao Thanh H1, nội dung:

+ Hai bên thống nhất ông H1 sẽ kí hợp đồng chuyển nhượng tài sản cho chị Nguyễn Thị Thanh Q, sau đó chị Q sẽ thực hiện các thủ tục thế chấp tài sản nêu trên tại ngân hàng để vay số tiền theo nhu cầu của ông H1

+ Điều kiện là bà D sẽ cho ông H1 vay số tiền 1.300.000.000 đồng, thời hạn vay: 03 năm; thời hạn vay tối thiểu: 12 tháng; lãi suất: 01%/tháng

+ Hết thời hạn vay 03 năm nói trên, chị Q sẽ sang tên trả lại thửa đất sau khi ông H1 thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán nợ (Bao gồm cả gốc và lãi) cho bà D

- Vi bằng số 622Q1/2024/VB-TPLHH ngày 05/3/2024 lập giữa bà Phùng Thị Hồng D và ông Cao Thanh H1, nội dung xác nhận việc bà D cho ông H1 vay và đã giao đủ số tiền 1.300.000.000 đồng.

Trên các văn bản có chữ kí, chữ viết tay và dấu vân tay của ông H1, bà D, không có chữ kí hay bút tích nào của chị Nguyễn Thị Thanh Q.

Đối với ý kiến của bà Phùng Thị Hồng D: Người đại diện theo ủy quyền của ông H1 không có ý kiến gì đối với lời khai của bà D, đề nghị Tòa án công nhận lời khai của bà D là đúng, xác định giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H1, chị Q là giao dịch vô hiệu do giả tạo và chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Cao Thanh H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phùng Thị Hồng D trình bày:

Giữa chị, ông H1 và chị Q có thoả thuận, thống nhất rằng khi bà D cho anh H1 vay số tiền 1.300.000.000 đồng với mức lãi suất 1%/tháng, ông H1 sẽ tiến hành chuyển nhượng QSDĐ đối với thửa đất số 300, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Tổ dân phố A, Á, phường S, thành phố Hà Nội cho chị Q. Sau đó, chị Q sẽ thay ông H1 thế chấp tài sản là thửa đất nói trên tại ngân hàng và số tiền sau khi giải ngân sẽ được chuyển lại để cho ông H1 sử dụng. Lí do có thoả thuận nói trên là bởi vì thời điểm đó ông H1 đang có nợ xấu tại ngân hàng, không đủ điều kiện vay vốn. Bà D khẳng định chị Q có được biết và đồng ý về việc đứng tên hộ tài sản của ông H1, tuy nhiên các bên đã không yêu cầu chị Q kí tên trên Vi bằng số 622Q1 ngày 05/3/2024. Theo như thoả thuận, sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chị Q đã làm thủ tục thế chấp tài sản tại Ngân hàng Q2. Chị D cho biết, số tiền giải ngân bao gồm 2.000.000.000 đồng, trong đó ông H1 được sử dụng 1.300.000.000 đồng, bà D sử dụng 700.000.000 đồng. Chị Q được hưởng 100.000.000 đồng tiền công từ chị D. Hàng tháng, trách nhiệm đóng lãi là do ông H1 và bà D thực hiện. Theo đó, ông H1 sẽ chuyển phần lãi của số tiền 1.300.000.000 đồng cho bà D, bà D chuyển cho chị Q và chị Q thanh toán cho ngân hàng. Tuy nhiên tới cuối năm 2024, do ông H1 không thanh toán, bà D thì bị tạm giam để điều tra về hành vi vi phạm pháp luật hình sự, nên khoản vay đã bị chuyển sang quá hạn dẫn tới việc khởi kiện của ngân hàng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, bà D có ý kiến: Đề nghị xác định ông H1 và bà D có trách nhiệm trả cả nợ gốc và lãi phát sinh cho ngân hàng Q2 theo đúng số tiền gốc mà anh chị được sử dụng. Đồng thời, bà D đề nghị xác định chị Q chỉ là người đứng tên hộ đối với thửa đất số 300, tờ bản đồ số 32 nhằm thực hiện vay vốn thay ông H1 và bà D. Trên thực tế, giữa chị Q và ông H1 không tồn tại giao dịch mua bán hay tặng cho quyền sử dụng đất nào cả.

Do có nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/BA-DSST ngày 25/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 227, 228, 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 119, 280, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 357, 398, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu toàn bộ khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q2 (Q2) đối với chị Nguyễn Thị Thanh Q.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Cao Thanh H1.

3. Xử:

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh Q phải trả cho Ngân hàng TMCP Q2 (Q2) tổng số tiền tính đến ngày 25/11/2025 là 2.567.739.533 đồng (Hai tỉ, năm trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm ba chín nghìn, năm trăm ba ba đồng), trong đó:

1. Theo Hợp đồng tín dụng số 104700877.24:

- Nợ gốc chưa trả: 1.999.800.000 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 63.364.631 đồng;

- Lãi quá hạn: 204.070.607 đồng;

2. Nợ thẻ tín dụng:

- Nợ gốc: 189.730.663 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 79.883.265 đồng;

- Nợ phí: 30.890.367 đồng.

Kể từ ngày 26/11/2025, chị Nguyễn Thị Thanh Q còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 104700877.24 ngày 04/4/2024 và Đơn đề nghị phát hành thẻ với nội dung mở thẻ tín dụng loại VIB Travel Élite cùng các văn bản có liên quan mà các bên đã kí kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong trường hợp chị Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là đất và tài sản trên đất tại thửa số 300,

tờ bản đồ số 32 (Theo nội dung các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0053564.24.066 ngày 04/4/2024) để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Thanh Q phải chịu 83.354.791 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

- Ngân hàng TMCP Q2 (Q2) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng Q2 số tiền 38.391.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000237 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Bắc Ninh).

- Về chi phí thẩm định: Chị Nguyễn Thị Thanh Q phải chịu 4.500.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ tài sản. Xác nhận Ngân hàng TMCP Q2 (Q2) đã nộp 4.500.000 đồng tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ tài sản. Chị Q phải trả cho Ngân hàng Q2 4.500.000 đồng.

- Ông Cao Thanh H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận ông H1 đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000466 ngày 29/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Bắc Ninh).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án cho các bên đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/12/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Cao Thanh H1 nộp đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/BA-DSST ngày 25/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của ông H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Thanh H1 trình bày: Ông H1 giữ nguyên yêu cầu độc lập: yêu cầu tuyên Hợp đồng tín dụng số 104700877.24 ngày 04/4/2024 vô hiệu; Hợp đồng thế chấp số 0053564.24.066 ngày 04/4/2024 vô hiệu, buộc ngân hàng Q2 trả lại tài sản cho anh H1; buộc bà Nguyễn Thị Thanh Q thực hiện các thủ tục theo quy định để sang tên trả lại QSDĐ tại thửa đất số 300, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Tổ dân phố A, Á, phường S, thành phố Hà Nội cho anh H1. Ngoài các yêu cầu khởi kiện trên, ông H1 không còn yêu cầu nào khác.

Việc chuyển nhượng tài sản cho chị Q là giả tạo, che đậy hợp đồng vay tài sản giữa anh H1 và chị D. Không có việc ông giao nhà cho chị Q và không có việc chị Q trả tiền mua nhà cho ông H1. Ông H1 có biết và đồng ý Ngân hàng về thẩm định để làm thủ tục cho chị Q vay nhưng nghĩ là Ngân hàng làm thủ tục cho chị Q vay 1,3 tỷ đồng như thỏa thuận trong Vi bằng ký kết với bà D nên ông H1 không có ý kiến gì với Ngân hàng. Ông H1 biết nếu Ngân hàng biết được

thỏa thuận giữa ông và bà D cho chị Q đứng tên vay hộ thì Ngân hàng sẽ không cho vay vì ông ở trong danh sách nợ xấu. Việc chị D làm thủ tục cho chị Q vay 2 tỷ đồng và mở thẻ 200 triệu đồng là không đúng thỏa thuận tại vi bằng giữa ông H1 với bà D. Tài sản của chị Q có được không hợp pháp, Hồ sơ vay vốn của chị Q là không, không đúng sự thật nên Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp mà chị Q ký với Q2 đều vô hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của ông H1 hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vì nội dung bản án không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Ông H1 xác định là chưa có yêu cầu gì về giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu. Việc ông trình bày hợp đồng chuyển nhượng giữa ông và chị Q vô hiệu là căn cứ chứng minh dẫn đến hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp vô hiệu.

Đại diện theo ủy quyền của Q2 trình bày: Không nhất trí với kháng cáo của ông H1. Việc Q2 cho chị Q vay tiền và nhận thế chấp tài sản bảo đảm là nhà đất tại thửa đất số 300, tờ bản đồ số 32 ở địa chỉ tổ dân phố A, Á, phường T, thị xã S, thành phố Hà Nội (nay là phường S, thành phố Hà Nội) là hoàn toàn ngay tình. VIB không biết đến thỏa thuận của ông H1 với bà D và chị Q. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích cho Q2. Về nguyên tắc, khi lập hồ sơ tín dụng, cán bộ ngân hàng chỉ đối chiếu các tờ do khách hàng vay vốn cung cấp, trong đó có các giấy biên nhận trả tiền đất, sau đó cán bộ phô tô lại, ký nháy vào bên dưới bản phô tô rồi trả lại giấy tờ gốc cho khách hàng nên hiện tại VIB không lưu trữ bản gốc giấy giao nhận tiền giữa chị Q và ông H1.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh Q trình bày: Chị không đồng ý với ý kiến của ông H1. Chị D nhờ chị đứng tên nhưng thực chất nhà đất là của chị D mua của ông H1. Chị xác nhận chị không giao nhận tiền cho ông H1 nhưng có nhìn thấy chị D đưa tiền cho ông H1. Chị ký nhận vào biên bản giao nhận tiền với ông H1 là do chị D bảo ký. Chị không quản lý biên bản giao nhận tiền với ông H1 nên không cung cấp cho Tòa án được. Thẻ tín dụng của Q2 chị cũng giao lại cho chị D quản lý, sử dụng. Chị chưa từng quản lý, sử dụng nhà đất của ông H1. Việc chị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông H1, làm thủ tục vay tiền và thế chấp quyền sử dụng đất của ông H1 là đúng thỏa thuận của ông H1 và bà D tại Vi bằng nên quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp. Chị có được lập một tài khoản tại Q2 để thực hiện trả lãi hàng tháng. Chị chưa từng thực hiện việc trả lãi. Bà D là người gửi tiền vào tài khoản của chị tại Q2 để trả lãi cho đến khi bà D bị bắt giam. Chị đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, chị không có ý kiến gì về số nợ gốc và nợ lãi với Q2.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh và các đương sự đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Cao Thanh H1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/BA-DSST ngày 25/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Cao Thanh H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

- Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên toà: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phùng Thị Hồng D đã được triệu tập hợp lệ nhưng xin vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà Phùng Thị Hồng D là đảm bảo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Cao Thanh H1, Hội đồng xét xử thấy:

[3] Về Hợp đồng tín dụng số 104700877.24 và Đề nghị phát hành thẻ cùng ngày 04/4/2024 giữa chị Nguyễn Thị Thanh Q và Q2: Về hình thức, Hợp đồng tín dụng và Đề nghị phát hành thẻ được lập thành văn bản và có đủ chữ ký của chị Q. Tại thời điểm kí kết các Hợp đồng tín dụng với Q2, chị Q có đầy đủ năng lực pháp luật và hành vi dân sự; giao dịch được diễn ra hoàn toàn tự nguyện, xét nội dung và các điều khoản của Hợp đồng tín dụng và Đề nghị phát hành thẻ ngày 04/4/2024 không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội. Do vậy, các hợp đồng tín dụng trên có đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: Tại Hợp đồng tín dụng số 104700877.24 ghi nhận mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán nợ cho bên thứ ba khi mua bất động sản tại địa chỉ: Tổ dân phố A, Á, phường T, thị xã S, thành phố Hà Nội (nay là: Tổ dân phố A, Á, phường S, thành phố Hà Nội). Trong hồ sơ vay vốn có Giấy vay tiền lập ngày 08/3/2024 giữa ông Nguyễn Anh D1 và chị Nguyễn Thị Thanh Q, thể hiện chị Q vay của ông D1 số tiền 2.000.000.000 đồng để mua tài sản là thửa đất số 300, tờ bản đồ số 32 tại địa chỉ nêu trên. Do đó, việc Ngân hàng giải ngân toàn bộ số tiền vay vào tài khoản của ông Nguyễn Anh D1 là phù hợp với mục đích vay vốn và đơn đề nghị giải ngân của chị Q. Ngoài ra, Q2 đã cấp thẻ tín dụng hạn mức 200 triệu cho chị Q. Trên thực tế, thẻ tín dụng đó đã được sử dụng nhiều lần. Việc chị Q trình bày giao thẻ cho bà D sử dụng là giao dịch khác giữa chị Q và bà D. Nếu có tranh chấp, chị Q có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Như vậy, Hợp đồng tín dụng số 104700877.24 và Đề nghị phát hành thẻ ngày 04/4/2024 có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các

bên. Vì vậy, chị Nguyễn Thị Thanh Q có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết. Tính đến ngày 25/11/2025, theo Hợp đồng tín dụng số 104700877.24 chị Q còn nợ VIB các khoản sau: Nợ gốc: 1.999.800.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 63.364.631 đồng; Nợ lãi quá hạn: 204.070.607 đồng; theo Đề nghị phát hành thẻ ngày 4/4/2024, chị Q còn nợ VIB các khoản sau: Nợ gốc: 189.730.663 đồng; Nợ lãi trong hạn: 79.883.265 đồng; Nợ phí: 30.890.367 đồng. Về số nợ gốc, nợ lãi như trên, Q2 và chị Q đều nhất trí, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét, giải quyết lại.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phùng Thị Hồng D trình bày: khoản vay nêu trên do bà và ông H1 cùng sử dụng, chị Q chỉ là người đứng tên vay tiền và đứng tên tài sản bảo đảm cho Ngân hàng. Trên cơ sở đó, bà D đề nghị nhận trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng và lãi phát sinh; đồng thời yêu cầu ông Cao Thanh H1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 1.300.000.000 đồng và lãi phát sinh. Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền của Q2 không đồng ý với đề nghị này và vẫn yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh Q phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Căn cứ Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định khác”*. Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của bà D là phù hợp. Nếu chị Q và D có tranh chấp có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[7] Về Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0053564.24.066 ngày 04/4/2024 giữa chị Nguyễn Thị Thanh Q và Ngân hàng TMCP Q2 (Q2) – Chi nhánh H3: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 300, tờ bản đồ số 32, diện tích 301 m², địa chỉ: Tổ dân phố A, Á, phường T, thị xã S, thành phố Hà Nội (nay là: Tổ dân phố A, Á, phường S, thành phố Hà Nội), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 512783 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 19/5/2021 cho anh Cao Thanh H1; được chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Thanh Q ngày 08/3/2024.

[8] Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 8/3/2024 giữa ông Cao Thanh H1 và chị Nguyễn Thị Thanh Q: Hợp đồng được lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký của anh H1 và chị Q, được công chứng, chứng thực và đã làm thủ tục đăng ký việc chuyển nhượng tại Cơ quan có thẩm quyền. Đại diện theo ủy quyền của ông H1 và chị Q đều thừa nhận, việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên chỉ nhằm mục đích để ông H1 vay bà Duyên số tiền 1.300.000.000 đồng theo nội dung Vi bằng ngày 05/3/2024 lập giữa ông H1 và bà D. Trên thực tế, chị Q không thanh toán tiền chuyển nhượng cho ông H1, ông H1 không bàn giao quyền sử dụng đất cho chị Q, gia đình ông H1 vẫn đang quản lý, sử dụng nhà đất. Như vậy, quan điểm của ông H1 và đại diện theo ủy quyền của ông H1 cho rằng hợp đồng vay tài sản giữa ông H1 và chị D là có

căn cứ chấp nhận. Bản án sơ thẩm nhận định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H1 và chị Q có hiệu lực pháp luật là chưa chính xác, cần rút kinh nghiệm.

[9] Mặc dù hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H1 và chị Q có đủ cơ sở xác định vô hiệu do giả tạo theo quy định tại Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2015 nhưng khi VIB đến trực tiếp xem xét, thẩm định tài sản, ông H1 không thông báo cho cán bộ của Q2 được biết. Mặt khác, ông H1 biết và đồng ý việc VIB thẩm định, định giá tài sản để cho chị Q vay vốn tại Q2. Như vậy, Q2 không biết và không có nghĩa vụ phải biết việc chị Q nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông H1 là giả tạo. Hợp đồng thế chấp giữa Q2 và chị Q được ký hoàn toàn tự nguyện, Q2 tiến hành thẩm định tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật, sau khi ký kết, hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm. Căn cứ khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đủ cơ sở xác định Hợp đồng thế chấp số 0053564.24.066 ngày 04/4/2024 giữa chị Nguyễn Thị Thanh Q và Q2 không bị vô hiệu. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Q2, trong trường hợp chị Nguyễn Thị Thanh Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Q2 có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ, không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông H1 về việc tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu là có căn cứ.

[10] Về hậu quả khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H1 và chị Q vô hiệu: Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015: *Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả. Bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường.* Trong vụ án này, ông H1 và chị Q chưa có yêu cầu về việc giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu có yêu cầu, ông H1 và chị Q có quyền khởi kiện vụ án khác. Ngoài ra, nếu cho rằng bị chị Nguyễn Thị Thanh Q hoặc bà Phùng Thị Hồng D lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, ông H1 có quyền làm đơn tố giác đến cơ quan Công an có thẩm quyền.

[11] Từ những phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Cao Thanh H1, cần áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tại phiên tòa.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Cao Thanh H1 không được chấp nhận nên ông H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Cao Thanh H1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/BA-DSST ngày 25/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Bắc Ninh.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, ông Cao Thanh H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0004685 ngày 16/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND, VKSND khu vực 6 - Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 6 - Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Giang